

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM-PT

Ngày 26 - 5 - 2023

“V/vTranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Mạnh

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Bà Lê Thị Bích Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Cao Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; địa chỉ: Số 2 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T và ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Dương Văn P – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (theo quyết định uỷ quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 và văn bản số 2665/ QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022) (vắng mặt)

Người được uỷ quyền lại: Ông Trương Quốc T – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (theo giấy uỷ quyền số 17/UQ-NHNo - GD ngày 20/10/2020 và

văn bản ủy quyền số 30/UQ ngày 15/02/2023); địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Quốc K, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị M, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1963. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Đỗ Quốc K, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đỗ Quốc K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm, đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người được ủy quyền lại của nguyên đơn ông Trương Quốc Tuấn trình bày:

Ngày 19/4/2016, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký kết Hợp đồng tín dụng số: 50/HĐTD ngày 19/4/2016 với chủ hộ vay vốn ông Đỗ Quốc K để vay số tiền 1.200.000.000đ, mục đích vay để bổ sung kinh phí mua sà lan máy. Lãi suất cho vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 72 tháng kể từ ngày 19/4/2016, kỳ trả lãi là 03 tháng/lần vào ngày 30. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là 01 sà lan máy số đăng ký VP-1451, trọng tải toàn phần 441 tấn, theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số: 1570/ĐK do Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 22/3/2016. Chủ phương tiện ông Đỗ Quốc K, địa chỉ thôn Đại Định, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Số lượng, kiểu và công suất máy chính: 01, G128ZLCa2, 320CV. Hợp đồng thế chấp số: 50/HĐTC ngày 19/4/2016, số CC 703 quyển số: 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghĩa vụ bảo đảm 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Quá trình vay tiền, ông K đã trả cho Ngân hàng được 200.000.000đ tiền gốc và 259.499.998đ tiền lãi, tổng cộng là 459.499.998đ, sau đó thì không trả nữa. Ngân hàng đã đôn đốc việc trả nợ và ông K nhiều lần cam kết trả nợ nhưng đến nay cũng không trả. Do ông K đã vi phạm thời gian trả nợ nên ngày 04/5/2019, Ngân hàng đã chuyển số tiền gốc 1.000.000.000đ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 20/9/2022, ông K còn nợ Ngân hàng số tiền là 1.486.465.280đ. Trong đó, số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ, số tiền lãi trong hạn là 418.083.335đ, số tiền lãi quá hạn là 68.381.945đ. Việc ông K xin trả dần số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng không đồng ý vì, ông K không đưa ra số

tiền trả nợ dần là bao nhiêu và thời hạn trả nợ.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Quốc K phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 20/9/2022 là 1.486.465.280đ. Ngoài ra, ông K còn phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh từ ngày 21/9/2022 đến ngày trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết để Ngân hàng thu hồi vốn cho Nhà nước. Trường hợp không thanh toán được đề nghị Tòa án buộc ông K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải dùng các tài sản khác để thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 50/HĐTD ngày 19/4/2016.

Đối với tài sản thế chấp: Khi vay vốn ông K đã thế chấp sản phẩm bảo đảm cho khoản vay là 01 sà lan máy số đăng ký VP-1451, trọng tải toàn phần 441 tấn theo Hợp đồng thế chấp số: 50/HĐTC ngày 19/4/2016. Nhưng do ông K vi phạm khai thác cát không có giấy phép, nên ngày 27/5/2019, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định xử phạt hành chính số 2784/QĐ-XP-VPHC về hai hành vi vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản và giao thông đường thủy nội địa. Hình thức xử phạt chính là phạt tiền, số tiền là 150.700.000đ. Hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu toàn bộ tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính và phương tiện tàu số hiệu VP-1451. Ngày 10/3/2021, Ngân hàng có đơn đề nghị UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển trả lại phương tiện tàu thủy mang số hiệu VP-1451 để tiến hành các biện pháp phát mãi tài sản nhằm thu hồi nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội. Tại Công văn số 4475/CAHN-TM ngày 17/6/2021 Công an thành phố Hà Nội trả lời: Đối với hành vi vi phạm hành chính của ông Đỗ Quốc K, việc tịch thu phương tiện tàu số hiệu VP-1451 vi phạm hành chính là một hình thức xử phạt bổ sung kèm theo hình thức xử phạt hành chính được quy định trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không phải là biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản. Do tài sản thế chấp đã bị tịch thu nên Ngân hàng không đề nghị xử lý tài sản thế chấp và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Đỗ Quốc K vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng quá trình tố tụng đã trình bày:

Ông thừa nhận về thời gian ký kết hợp đồng, mục đích vay, phương thức cho vay, số tiền vay, lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn thời hạn cho vay, tài sản đảm bảo, số tiền gốc số tiền lãi trong hạn đã trả và số tiền lãi quá hạn chưa trả như Ngân hàng trình bày là đúng. Thời điểm vợ chồng ông vay vốn Ngân hàng thì hộ gia đình gồm có ông là chủ hộ, bà Nguyễn Thị M (vợ ông), ông Đỗ Văn Y (bố ông đã chết năm 2006), bà Nguyễn Thị H (mẹ ông chết năm 2018), các con ông là chị Đỗ Thị Y, sinh năm 1986, anh Đỗ Trung T, sinh năm 1988 và chị Đỗ

Thị T, sinh năm 1992. Nhưng bố mẹ ông không có khả năng lao động, các con của ông đã trưởng thành và lập gia đình riêng trước thời điểm ông vay vốn Ngân hàng, nên bố mẹ và các con ông không có liên quan gì đến việc vay vốn và sử dụng khoản vay của Ngân hàng. Việc kinh doanh chỉ có ông và bà Nguyễn Thị M (vợ ông), hiện vợ chồng ông làm nghề lao động tự do, không kinh doanh làm nghề vận tải hàng hóa bằng đường thủy, mua bán vật liệu xây dựng nữa. Việc vay tiền và sử dụng số tiền vay của Ngân hàng là do vợ chồng ông, không liên quan gì đến các con của ông. Đối với tài sản là 01 sà lan máy số hiệu VP-1451 (còn gọi là tàu thủy), trọng tải toàn phần 441 tấn là tài sản của vợ chồng ông mua của ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị Tuyết M. Số tiền mua sà lan là từ khoản vay của Ngân hàng các con ông không có đóng góp gì để mua sà lan nên không có liên quan gì.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông trả số tiền còn nợ và số tiền còn tiếp tục phát sinh đến ngày trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nhưng do kinh tế gia đình khó khăn thu nhập không ổn định nên ông xin trả dần số tiền trên cho Ngân hàng.

Đối với tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 50/HĐTC ngày 19/4/2016 là 01 sà lan máy số hiệu VP-1451 hiện đang neo đậu tại cảng Hồng Hà, phường Phú Thịnh thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Chiếc sà lan trên đang là đối tượng bị xử lý hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2784/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2019 của UBND thành phố Hà Nội. Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên thì ông bị xử phạt số tiền 150.700.000đ, hình phạt bổ xung là tịch thu toàn bộ tang vật là 01 sà lan máy số hiệu VP-1451. Sau đó ông không đồng ý với quyết định xử phạt hành chính của UBND thành phố Hà Nội và đã làm đơn khiếu nại nhiều lần. Công an thành phố Hà Nội và UBND thành phố Hà Nội đã trả lời theo công văn số 1392/CAHN-PV01 ngày 11/3/2022 nhưng ông không đồng ý. Ông không có đơn khởi kiện UBND thành phố Hà Nội đối với việc ban hành Quyết định xử phạt hành chính số: 2784/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2019 ra Tòa án nhân dân các cấp có thẩm quyền. Từ khi bị tịch thu sà lan cho đến nay ông chưa thực hiện khoản tiền xử phạt vi phạm hành chính, nên chưa được nhận lại sà lan.

Nay ông đề nghị Tòa án xử lý tài sản bảo đảm là 01 sà lan máy số hiệu VP-1451 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Trường hợp việc xử lý tài sản bán 01 sà lan trên không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông cũng phải dùng tài sản khác để trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M đã uỷ quyền cho ông Đỗ Quốc K (chồng bà) tham gia giải quyết: Bà nhất trí với ý kiến của ông K không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 20/9/2022 của Toà án nhân dân huyện T đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Đỗ Quốc K và bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam 1.000.000.000đ tiền gốc; số tiền nợ lãi trong hạn là 418.083.335đ; số tiền nợ lãi quá hạn là 68.381.945đ (tính đến ngày 20/9/2022), tổng cộng là 1.486.465.280đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi năm nghìn, hai trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án là ông Đỗ Quốc K và bà Nguyễn Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong toàn bộ số nợ.

Trường hợp ông Đỗ Quốc K và bà Nguyễn Thị M không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng thì ông K và bà M phải dùng các tài sản khác để thanh toán nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

2. Về án phí: Ông Đỗ Quốc K và bà Nguyễn Thị M phải chịu 56.594.000đ (Năm mươi sáu triệu năm trăm chín tư nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 35.118.000đ (Ba mươi năm triệu một trăm mười tám nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0000719 ngày 15/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 11 năm 2022, bị đơn ông Đỗ Quốc K kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 02/KDTM-ST ngày 20/9/2022 của Tòa

án nhân dân huyện T với nội dung: Tài sản thế chấp của ông có giá trị thực là 3.600.000.000đ trong khi ông chỉ vay Ngân hàng 1.200.000.000đ, hiện còn nợ 1.000.000.000đ tiền gốc và lãi phát sinh. Như vậy tài sản thế chấp của ông lớn hơn số tiền ông còn nợ Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông phải dùng tài sản khác để thanh toán trả nợ cho Ngân hàng là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải chịu án phí sơ thẩm là trái quy định của pháp luật, ở thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, ông đã trên 60 tuổi, theo quy định của Luật người cao tuổi thì ông được miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về miễn nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều Điều 280, 463, 465, 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Quốc K, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông K, bà M; Sửa về phần lãi suất tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm tính trên nợ gốc theo đề nghị của nguyên đơn; giữ nguyên án sơ thẩm về tính gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo ngày 22/11/2022 của ông Đỗ Quốc K được Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chấp nhận việc kháng cáo quá hạn theo Quyết định số: 05/2022/QĐ-PT ngày 16/12/2022 nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Quốc K đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tài sản thế chấp của ông có giá trị lớn hơn số tiền ông vay Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu ông phải dùng tài sản khác để thanh toán trả nợ cho Ngân hàng là không có căn cứ; Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc ông phải

chịu án phí sơ thẩm là trái quy định của pháp luật bởi ông thuộc trường hợp người cao tuổi, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số: 50/HĐTD ngày 19/4/2016 được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc với chủ hộ vay vốn ông Đỗ Quốc K và Hợp đồng thế chấp số: 50/HĐTC ngày 19/4/2016, số CC 703 quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã được các bên ký kết theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Trong quá trình vay vốn, ông K đã trả cho Ngân hàng được 200.000.000đ tiền gốc và 259.499.998đ tiền lãi, tổng cộng là 459.499.998đ sau đó thì không trả nữa, Ngân hàng đã đôn đốc việc trả nợ và ông K nhiều lần cam kết trả nợ nhưng đến nay cũng không trả nên Ngân hàng khởi kiện.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm ông Đỗ Quốc K và bà Nguyễn Thị M đều thừa nhận thời gian ký kết hợp đồng, mục đích vay, phương thức cho vay, số tiền vay, lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, tài sản đảm bảo, số tiền gốc số tiền lãi trong hạn đã trả, số tiền gốc số tiền lãi trong hạn và số tiền lãi quá hạn chưa trả như Ngân hàng trình bày là đúng. Thời điểm vợ chồng ông vay vốn Ngân hàng thì hộ gia đình gồm có ông là chủ hộ, bà Nguyễn Thị M (vợ ông), ông Đỗ Văn Y (bố ông đã chết năm 2006), bà Nguyễn Thị H (mẹ ông chết năm 2018), các con ông là chị Đỗ Thị Y, sinh năm 1986, anh Đỗ Trung T, sinh năm 1988 và chị Đỗ Thị T, sinh năm 1992. Nhưng bố mẹ ông không có khả năng lao động, các con của ông đã trưởng thành và lập gia đình riêng trước thời điểm ông vay vốn Ngân hàng, nên bố mẹ và các con ông không có liên quan gì đến việc vay vốn và sử dụng khoản vay của Ngân hàng. Việc vay tiền và sử dụng số tiền vay của Ngân hàng là do vợ chồng ông, không liên quan gì đến các con của ông. Ngân hàng yêu cầu ông K và bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền còn nợ như ngân hàng tính toán và số tiền lãi quá hạn phát sinh đến ngày trả hết nợ theo hợp đồng hai bên đã ký kết ông đồng ý, không có ý kiến gì. Tòa án cấp sơ thẩm Quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Buộc ông Đỗ Quốc K và bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam 1.000.000.000đ tiền gốc; số tiền nợ lãi trong hạn là 418.083.335đ; số tiền nợ lãi quá hạn là 68.381.945đ (tính đến ngày 20/9/2022) tổng cộng là 1.486.465.280đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 50/HĐTC ngày 19/4/2016 là 01 sà lan máy số hiệu VP-1451: Ngày 27/5/2019 ông Đỗ Quốc K

đã bị UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định xử phạt hành chính số 2784/QĐ-XP-VPHC với mức tiền phạt là 150.700.000đ. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu toàn bộ tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính. Sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính, ông K không đồng ý với Quyết định xử phạt hành chính số 2784/QĐ-XP-VPHC của UBND thành phố Hà Nội nên đã làm đơn khiếu nại. Công an thành phố Hà Nội và UBND thành phố Hà Nội đã trả lời đơn khiếu nại của ông K và ông K không đồng ý. Tuy nhiên từ đó đến nay, ông K không có đơn khởi kiện UBND thành phố Hà Nội đối với việc ban hành Quyết định xử phạt hành chính số: 2784/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2019 ra Tòa án nhân dân các cấp có thẩm quyền, tính đến nay, thời hiệu khởi kiện Quyết định hành chính đã hết. Vì vậy, tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 50/HĐTC ngày 19/4/2016 giữa Ngân hàng và vợ chồng ông K, bà M không còn (do bị UBND thành phố Hà Nội tịch thu để xử phạt hành chính); Ngân hàng cũng không đề nghị xử lý hợp đồng thế chấp. Quá trình giải quyết vụ án và đơn kháng cáo ông K cho rằng, trường hợp việc xử lý tài sản bán 01 sà lan trên không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông phải dùng tài sản khác để trả nợ cho Ngân hàng là không đúng. Thấy rằng, đề nghị này của ông K là không có căn cứ, không được chấp nhận vì tài sản thế chấp của ông đã bị tịch thu không còn; việc ông K, bà M vay nợ thì phải có nghĩa vụ dùng các tài sản của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và quyết định: trường hợp ông K bà M không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng thì ông K và bà M phải dùng tài sản khác để thanh toán nợ cho Ngân hàng là có căn cứ. Tuy nhiên, cách tuyên chưa phù hợp, không bảo đảm để thi hành án, cấp phúc thẩm cần sửa lại: Trường hợp ông K, bà M không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý, phát mại các tài sản khác của ông K, bà M để thanh toán nợ cho Ngân hàng như vậy mới phù hợp, mới thể hiện quyền của người có quyền đòi nợ và đảm bảo quyền được thi hành án.

Hội đồng xét xử thấy nội dung kháng cáo này của ông K không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của ông K về việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải chịu án phí sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật, bởi ông là người cao tuổi, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Đỗ Quốc K sinh ngày 02/01/1962, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông đã ngoài 60 tuổi, căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án thì ông thuộc trường hợp “người cao tuổi” nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, muốn được miễn án phí theo quy định này thì tại Điều 14 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH này còn quy định các đương sự phải có đơn xin miễn án phí nộp cho tòa án cùng các tài liệu chứng minh kèm theo. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông K, bà M không có đơn xin miễn án phí và không gửi tài liệu kèm theo nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông và bà M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 56.594.000đ, tương ứng với số tiền 1.486.465.280đ ông K, bà M phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ. Đây lỗi của ông K, bà M chứ không phải lỗi của tòa án cấp sơ thẩm.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm ông K và bà Nguyễn Thị M đã hiểu những quy định của pháp luật, đều có đơn xin miễn án phí và gửi kèm giấy tờ xác nhận mình là người cao tuổi, đủ điều kiện được miễn án phí. Xét thấy ông Đỗ Quốc K, bà Nguyễn Thị M thuộc diện “Người cao tuổi”, có đơn miễn án phí theo quy định. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông K, bà M. Kháng cáo của ông Đỗ Quốc K về án phí được chấp nhận, để từ đó sửa bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm cho ông K, bà M.

[2.3]. Về lãi suất tiếp theo sau ngày tuyên án sơ thẩm:

Tại bản án sơ thẩm, tòa án cấp sơ thẩm quyết định lãi suất tiếp theo sau ngày tuyên án sơ thẩm: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án là ông Đỗ Quốc K và bà Nguyễn Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong toàn bộ số nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng chỉ đề nghị tính lãi suất quá hạn trên nợ gốc còn phải trả, tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm. Đây là ý chí tự nguyện của Ngân hàng và ông K cũng nhất trí đề nghị này, nên cần sửa phần tính lãi này cho phù hợp. Tại mục 1 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng có quy định: Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận. Lãi cho vay thỏa thuận là 10%/năm nên lãi suất quá hạn là 15%/năm. Do vậy, ông K, bà M phải chịu tiền lãi là 15%/năm trên nợ gốc kể từ ngày 21/9/2022 cho đến khi ông K, bà M trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Đỗ Quốc K, bà Nguyễn Thị M được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 280, 463, 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Đỗ Quốc K và bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2022) số tiền là 1.486.465.280đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi năm nghìn, hai trăm tám mươi đồng), trong đó: tiền gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), số tiền nợ lãi trong hạn là 418.083.335đ (Bốn trăm mười tám triệu không trăm tám ba nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng) và số tiền nợ lãi quá hạn là 68.381.945đ (Sáu tám triệu ba trăm tám một nghìn chín trăm bốn lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/9/2022), ông Đỗ Quốc K và bà Nguyễn Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn là 15%/năm cho đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp ông Đỗ Quốc K và bà Nguyễn Thị M không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông K, bà M để thu hồi nợ.

2. Về án phí kinh doanh thương mại:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 35.118.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000719 ngày 15/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Miễn toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 56.594.000đ (Năm mươi sáu triệu năm trăm chín tư nghìn đồng) cho ông Đỗ Quốc K và bà Nguyễn Thị M.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Đỗ Quốc K không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKS nhân dân huyện T;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Toà DS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Mạnh

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKS nhân dân huyện T;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Toà DS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Mạnh

kể từ ngày 21/9/2022 đối với khoản nợ gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) còn lại cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 19/4/2016

